

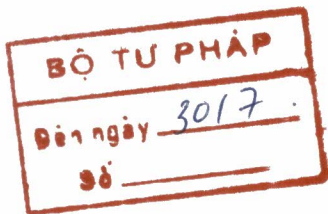
**CƠ QUAN ĐẦU MỐI QUỐC GIA
VIỆT NAM VỀ PHÒNG, CHỐNG PHỔ BIẾN
VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4648** /CQĐMQG-CQTT81

Hà Nội, ngày **28** tháng 7 năm 2026

V/v cập nhật thông tin, phối hợp thực hiện
công tác phòng, chống TTPBVKHDHL



Kính gửi:

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Các Bộ: Công an; Tài chính; Ngoại giao; Tư pháp; Công thương; Nội vụ; Xây dựng; Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Căn cứ Nghị định số 81/2019/NĐ/CP ngày 11/11/2019 của Chính phủ về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

Căn cứ Quyết định số 1139/QĐ-TTg ngày 26/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện cam kết của Chính phủ Việt Nam về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (PCRT, TTKB, TTPBVKHDHL);

Căn cứ Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 22/4/2026 Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về PCRT, TTKB, TTPBVKHDHL giai đoạn 2026 - 2030, chuẩn bị cho đánh giá đa phương lần 3 của Nhóm Châu Á - Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG) đối với Việt Nam;

Thực hiện Kết luận của Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc tại cuộc họp Ban chỉ đạo phòng, chống rửa tiền theo Thông báo số 161/TB-VPCP ngày 31/3/2026 của Văn phòng Chính phủ,

Bộ Quốc phòng - Cơ quan đầu mối quốc gia Việt Nam về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trao đổi như sau:

Ngày 17/6/2025, Bộ Quốc phòng đã có Công văn số 3509/BQP-BCHH gửi các bộ, ngành về việc hướng dẫn các đối tượng báo cáo thực hiện quy định về phòng, chống TTPBVKHDHL. Trong đó bao gồm các dấu hiệu đáng ngờ liên quan đến TTPBVKHDHL (tại Phụ lục 2 của Công văn số 3509/BQP-BCHH), danh sách bị chỉ định (tại điểm 1 Mục 1 Phụ lục 3 của Công văn số 3509/BQP-BCHH).

Tuy nhiên, trước xu thế hội nhập kinh tế sâu rộng và sự phát triển mạnh mẽ của hệ thống tài chính, công nghệ số và chuỗi cung ứng toàn cầu, các phương thức, thủ đoạn TTPBVKHDHL ngày càng trở nên tinh vi, phức tạp và liên tục thay đổi. Các đối tượng đang triệt để lợi dụng các khoảng trống trong giao dịch thương mại quốc tế, dịch chuyển dòng vốn xuyên biên giới và sử dụng pháp nhân trung gian nhằm che giấu nguồn gốc tài sản và mục đích sử dụng cuối cùng.

Do đó, Bộ Quốc phòng - Cơ quan đầu mối quốc gia Việt Nam về phòng, chống phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt cung cấp, cập nhật: (i) Các dấu hiệu đáng ngờ liên quan đến TTPBVKHDHL (tại Phụ lục I kèm theo), (ii) Các dấu hiệu đáng ngờ liên quan đến phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt (tại Phụ lục II kèm theo); (iii) Danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định liên quan đến phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt (tại Phụ lục III kèm theo). Trên cơ sở đó, trân trọng đề nghị Quý Cơ quan:

1. Nghiên cứu, cập nhật thông tin, quán triệt, phổ biến đến các đơn vị cấp dưới, đối tượng báo cáo do các bộ, ngành quản lý để thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống TTPBVKHDHL.

2. Cung cấp thông tin gửi Bộ Quốc phòng - Cơ quan đầu mối quốc gia Việt Nam về phòng, chống phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt (qua Binh chủng Hoá học - Cơ quan thường trực 81; địa chỉ: Số 02 Phan Văn Trường, Cầu Giấy, Hà Nội) các văn bản của Quý Cơ quan đã, đang xây dựng, quán triệt gửi đến các đơn vị cấp dưới, đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực quản lý để Bộ Quốc phòng tổng hợp, làm minh chứng xây dựng báo cáo tiến triển xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia. Cán bộ đầu mối: Thượng úy Vũ Quang Đại, Trung tâm 81, Binh chủng Hoá học, Bộ Quốc phòng; số điện thoại: 0337.493.027./. 

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Cơ quan!

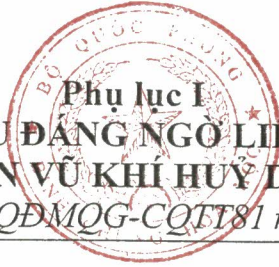
Nơi nhận:

- Như trên;
- Đồng chí Thượng tướng Nguyễn Văn Gấu (đề b/c);
- Thủ trưởng Binh chủng;
- BTL: BDBP, CSB;
- C13, C64, C79;
- MB Bank;
- Lưu: VT, BCHH. Đại 19. 

**KT. TRƯỞNG CƠ QUAN
PHÓ TRƯỞNG CƠ QUAN**



TƯ LỆNH BINH CHỦNG HOÁ HỌC
Thiếu tướng Nguyễn Đình Hiền



CÁC DẤU HIỆU ĐÁNG NGỜ LIÊN QUAN ĐẾN TÀI TRỢ PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HUY DIỆT HÀNG LOẠT

(Kèm theo Công văn số **4648** /CQĐMQG-CQT781 ngày **22**/7/2026 của CQĐMQG)

Dấu hiệu đáng ngờ (hay còn gọi là các cảnh báo đỏ) liên quan đến tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt để phát hiện, ngăn chặn các hoạt động bất hợp pháp nhằm tài trợ cho hoạt động phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

I. Thông tin và hành vi của khách hàng

1. Khách hàng sử dụng các pháp nhân, thỏa thuận pháp lý hoặc công ty vỏ bọc nhằm che giấu chủ sở hữu hưởng lợi, nguồn gốc tài sản, hoặc che giấu sự liên quan của các quốc gia, tổ chức, cá nhân nằm trong danh sách bị áp dụng các biện pháp cấm vận của Liên hợp quốc.

2. Khách hàng có dấu hiệu che giấu người sử dụng cuối cùng thông qua việc phân lớp giao dịch, sử dụng đại lý mua sắm để vận chuyển hàng hóa, thông tin liên lạc và tài chính qua nhiều lớp công ty, môi giới, trung gian.

3. Khách hàng sử dụng các cấu trúc phức tạp để che giấu mối liên hệ của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (như sử dụng hợp đồng tín dụng nhiều lớp, công ty bình phong, trung gian, nhà môi giới).

4. Khách hàng thực hiện việc sửa đổi, giả mạo các chứng từ, tài liệu kinh doanh tiêu chuẩn nhằm che giấu danh tính của khách hàng hoặc người sử dụng cuối cùng.

5. Thông tin nhận dạng của các bên tham gia (bao gồm tên, địa chỉ, số điện thoại hoặc các định danh khác) trùng khớp hoặc tương đồng với danh sách bị chỉ định liên quan đến phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc kiểm soát thương mại chiến lược.

6. Tài khoản được mở, duy trì hoặc các giao dịch được thực hiện bởi các doanh nghiệp có cấu trúc sở hữu không rõ ràng, công ty vỏ bọc hoặc công ty được thành lập chỉ hoạt động trong thời gian ngắn.

7. Khách hàng tham gia vào các hoạt động cung ứng, mua bán, giao nhận hàng hóa, công nghệ thuộc danh mục bị hạn chế giao dịch hoặc có mức độ rủi ro cao về phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

8. Khách hàng có lịch sử giao dịch hoặc duy trì mối quan hệ kinh doanh với các tổ chức, cá nhân hiện đang thuộc danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định.

9. Các bên tham gia giao dịch có địa chỉ hoặc vị trí địa lý thực tế tại các quốc gia, vùng lãnh thổ có rủi ro cao về chuyển hướng hàng hóa lưỡng dụng, hoặc tài trợ cho việc này.

10. Khách hàng hoặc đối tác của khách hàng thực hiện các giao dịch liên quan đến các tổ chức, cá nhân thuộc Danh sách đen; hoặc giao dịch chứa các thông

tin định danh (địa chỉ email, địa chỉ thực tế, số điện thoại, số hộ chiếu, địa chỉ tài sản ảo) trùng khớp với các tổ chức, cá nhân thuộc Danh sách đen.

11. Khách hàng có mối liên kết, hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu chuyên xử lý, phát triển hàng hóa lưỡng dụng hoặc các sản phẩm thuộc diện chịu sự kiểm soát xuất khẩu.

12. Giao dịch được khai báo liên quan đến người sử dụng cuối cùng là dân sự, nhưng qua xác minh thông tin nhận biết khách hàng xác định địa chỉ thực tế là cơ sở quân sự hoặc cùng vị trí với các cơ sở quân sự tại các quốc gia, vùng lãnh thổ rủi ro về phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

13. Khách hàng là tổ chức, cá nhân thực hiện mua lại các tàu biển mới nhưng không chứng minh được mục đích kinh tế hoặc kinh doanh rõ ràng.

14. Mô hình kinh doanh của khách hàng được thiết lập là xuất khẩu nhưng thực chất chỉ hoạt động như một thực thể trung chuyển mà không có hoạt động sản xuất, kinh doanh thực tế.

15. Khách hàng hoạt động trong các ngành, nghề có rủi ro cao hoặc thường xuyên bị lợi dụng như vận tải biển, xuất nhập khẩu, dệt may, may mặc, thủy sản, hải sản nhưng có các giao dịch không phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh bình thường.

16. Khách hàng yêu cầu áp dụng các biện pháp bảo mật bất thường đối với giao dịch hoặc thể hiện thái độ không tuân thủ, thờ ơ đối với các quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

17. Giao dịch liên quan đến các tổ chức có đăng ký ngành nghề kinh doanh hoặc mục đích thành lập chỉ ra rằng họ chuyên thực hiện các dự án mục đích không rõ ràng.

18. Khách hàng có hành vi mượn thông tin cá nhân, thông tin nhận dạng của đồng nghiệp hoặc người khác để thực hiện ký kết, đảm bảo các hợp đồng kinh tế nhằm lách các quy định kiểm soát.

19. Khách hàng thực hiện giao dịch các loại hàng hóa không phù hợp, không liên quan đến ngành nghề kinh doanh của mình, đặc biệt là các thiết bị, công nghệ lưỡng dụng (như lò phản ứng hóa học, máy công cụ, thành phần hệ thống tên lửa).

20. Thông tin liên hệ do khách hàng cung cấp không trùng khớp hoặc mâu thuẫn với quốc gia đích đến của hàng hóa hoặc giao dịch.

21. Khách hàng từ chối cung cấp thông tin, tài liệu chi tiết cho ngân hàng, đơn vị vận chuyển hoặc các bên thứ ba có liên quan, bao gồm thông tin về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng hoặc cấu trúc quyền sở hữu của công ty.

22. Các doanh nghiệp hoạt động như bình phong thiếu thông tin công khai (không có website, thông tin internet) mặc dù phát sinh doanh số giao dịch quan trọng.

23. Có dấu hiệu giả mạo thư điện tử hoặc trang thông tin điện tử nhằm tạo vẻ bề ngoài hợp pháp cho các yêu cầu giao dịch bất hợp pháp, thường lợi dụng danh nghĩa của các đối tác kinh doanh sẵn có.

24. Địa chỉ giao thức Internet (IP) của khách hàng sử dụng để thực hiện giao dịch trực tuyến không trùng khớp với vị trí địa lý hoặc quốc gia được báo cáo trong hồ sơ khách hàng.

25. Tên của công ty chung chung, không rõ mô tả ngành nghề hoặc cố tình đặt dễ gây nhầm lẫn với tên của các tập đoàn, tổ chức nổi tiếng; hoặc tên công ty thường xuyên bị viết sai lệch theo nhiều cách khác nhau trong tài liệu giao dịch.

26. Khách hàng là công ty cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin hoặc công ty thuê ngoài nhưng có cấu trúc sở hữu phức tạp, nhiều lớp công ty trung gian, người đại diện chỉ mang danh nghĩa, chủ sở hữu thực không rõ ràng hoặc ở khu vực rủi ro cao về phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

27. Khách hàng là công ty, doanh nghiệp mới thành lập nhưng nhanh chóng có giao dịch lớn với đối tác nước ngoài.

28. Khách hàng là công ty thuê ngoài về công nghệ thông tin có số lượng nhân viên lớn nhưng không có văn phòng thực hoặc chỉ dùng địa chỉ ảo.

II. Hoạt động giao dịch tài chính

1. Khách hàng thực hiện nhiều giao dịch chuyển tiền với giá trị nhỏ từ cùng một tài khoản ngân hàng nước ngoài của người sử dụng cuối cùng đến nhiều nhà cung cấp có cùng tính chất hoặc ngành nghề.

2. Giao dịch xuất hiện sự thay đổi đột xuất vào phút chót về lộ trình thanh toán đã được lên kế hoạch trước đó từ một quốc gia có rủi ro về phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt nhưng sau đó chuyển thanh toán qua một quốc gia hoặc một pháp nhân trung gian khác.

3. Có hành vi cố ý thực hiện một giao dịch bị cấm qua hệ thống tài chính khiến tổ chức tài chính xử lý các khoản thanh toán vi phạm quy định trong nước hoặc quốc tế.

4. Dòng tiền dịch chuyển theo chu kỳ giữa các công ty với một công ty ngừng thanh toán và một công ty khác bắt đầu thanh toán cho cùng một người thụ hưởng.

5. Khách hàng sử dụng các dịch vụ tài chính hoặc thực hiện các giao dịch có khoảng cách địa lý xa so với hoạt động mua bán hàng hoá.

6. Cố ý bỏ qua các tham chiếu đến các bên tham gia giao dịch hoặc các quốc gia, vùng lãnh thổ bị cấm vận trong các chứng từ, tài liệu giao dịch tài chính.

7. Giao dịch tài chính qua các quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc trung tâm tài chính có cơ chế thực thi lệnh trừng phạt yếu kém hoặc là nơi thường diễn ra các kế hoạch thương mại bất hợp pháp.

8. Sử dụng các lộ trình thanh toán phức tạp, bất thường, đi qua chuỗi gồm nhiều tổ chức tài chính khác nhau, đặc biệt nếu được thanh toán thông qua các quốc gia có kiểm soát hoặc lệnh trừng phạt không đầy đủ.

9. Các giao dịch sử dụng phương thức thanh toán tài khoản mở, tín dụng mở để thanh toán liên quan đến các quốc gia trung chuyển đã biết.

10. Các giao dịch mua hàng theo phương thức thư tín dụng ghi tên người nhận trên vận đơn là ngân hàng phát hành, thay vì là người sử dụng cuối cùng thực tế của hàng hóa.

11. Khách hàng yêu cầu phát hành thư tín dụng liên quan đến các sản phẩm lưỡng dụng hoặc sản phẩm chịu sự kiểm soát xuất khẩu trước khi được chấp nhận mở tài khoản theo quy định.

12. Số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán của khách hàng tăng mạnh đột biến, sau đó toàn bộ hoặc hầu hết số tiền được rút ra nhanh chóng bằng tiền mặt.

13. Khách hàng thực hiện giao dịch chuyển tiền ra nước ngoài có giá trị tương đương với các khoản tiền gửi bằng tiền mặt vừa được thực hiện trong thời gian ngắn trước đó.

14. Khách hàng sử dụng tài khoản thanh toán cá nhân để thực hiện các khoản thanh toán chi trả cho các hợp đồng, sản phẩm thương mại của tổ chức.

15. Khách hàng sử dụng nhiều tài khoản ngân hàng khác nhau mà không có lý do hợp lý.

16. Giao dịch thương mại hoặc giao dịch thanh toán một khoản tiền lớn không có lý do kinh tế rõ ràng và không phù hợp với mô hình hoạt động kinh doanh bình thường của khách hàng.

17. Có sự chênh lệch, mâu thuẫn giữa khối lượng, giá trị thực tế của hàng hóa so với tổng khối lượng tiền thanh toán trên các chứng từ tài chính.

18. Khách hàng yêu cầu thực hiện thanh toán bằng tài sản ảo hoặc qua bên thứ ba không liên quan nhằm mục đích trốn tránh các biện pháp nhận biết khách hàng, chống rửa tiền.

19. Các giao dịch chuyển tiền được thực hiện thông qua các nhà cung cấp dịch vụ tài sản ảo, đặc biệt là các giao dịch liên quan đến các quốc gia có hành lang pháp lý lỏng lẻo hoặc sử dụng các sàn giao dịch phi tập trung mà không qua thẩm định chuyên sâu phù hợp.

20. Khách hàng liên tục khởi tạo các địa chỉ ví tài sản ảo mới cho mỗi giao dịch.

21. Giao dịch chuyển tiền nhanh từ tài khoản công ty sang tài khoản cá nhân hoặc tài khoản khác không liên quan, rồi chuyển tiếp ra nước ngoài.

Phụ lục II
CÁC DẤU HIỆU ĐÁNG NGỜ LIÊN QUAN ĐẾN
PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT

(Kèm theo Công văn số **HHH/CDMQG-COTT81** ngày **12/7/2026** của **CQĐMQG**)

Hoạt động thương mại và vận tải:

1. Lộ trình vận chuyển của mặt hàng bị thay đổi khi hàng hóa đến kho của công ty giao nhận vận tải mà không có sự đồng ý hoặc thông báo cho bên xuất khẩu.
2. Có sự thay đổi vào phút chót đối với các lộ trình vận chuyển hàng hóa, mâu thuẫn với lịch sử giao dịch hoặc thực tiễn kinh doanh thương mại trước đây của khách hàng.
3. Tài liệu vận chuyển bị thay đổi thông tin về người nhận hàng cuối cùng hoặc địa điểm giao hàng ngay trước hoặc trong quá trình vận chuyển.
4. Khách hàng yêu cầu giao hàng đến một địa chỉ không được ghi nhận trong hồ sơ thông tin nhận biết khách hàng hoặc các tài liệu nhận dạng hợp pháp của họ.
5. Tính chất, chất lượng và trình độ công nghệ của sản phẩm xuất khẩu không phù hợp hoặc vượt quá trình độ phát triển công nghệ hiện tại của quốc gia đích đến.
6. Giao dịch thương mại liên quan đến việc vận chuyển hàng hóa không phù hợp với khu vực địa lý thông thường (quốc gia liên quan chưa từng xuất khẩu, nhập khẩu hoặc không có nhu cầu tiêu thụ đối với loại hàng hóa đó).
7. Giao dịch mua bán, vận chuyển các thiết bị, vật liệu có độ bền cao hoặc đặc tính kỹ thuật đặc biệt (như: hợp kim độ bền cao, máy ly tâm) có khả năng ứng dụng trong các chương trình quân sự hoặc hạt nhân.
8. Khai báo người sử dụng cuối cùng là đơn vị giao nhận vận tải hoặc các hãng khai thác và cho thuê máy bay.
9. Hàng hóa được vận chuyển bằng phương tiện vòng vo, bao gồm sử dụng các phương tiện vận tải, tàu biển nhỏ, lặc hậu.
10. Hàng hóa được chia nhỏ thành nhiều lô hàng, vận chuyển thường xuyên đến một địa điểm tập trung trước khi được gom lại thành một lô hàng lớn.
11. Giao dịch có sự tham gia của các công ty giao nhận vận tải hoạt động tại các khu vực trung chuyển được đánh giá là có rủi ro cao về an ninh và phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.
12. Lộ trình vận chuyển hàng hóa đi qua các điểm trung chuyển thường bị lợi dụng để chuyển hướng các mặt hàng bị kiểm soát xuất khẩu đến các điểm quốc gia bị cấm vận.

13. Lộ trình vận chuyển được lựa chọn không điển hình, không mang lại tối ưu về chi phí và thời gian cho loại sản phẩm và điểm đến đó.

14. Đơn vị giao nhận vận tải hoặc đại lý thông quan hải quan được khai báo là điểm đến cuối cùng của sản phẩm trên các tờ khai và tài liệu thương mại.

15. Quốc gia đích của hàng hóa hoặc quốc gia vận chuyển không trùng khớp với quốc gia nơi tài khoản ngân hàng tiếp nhận hoặc chuyển tiền, đồng thời các bên không đưa ra được lý do giải trình hợp lý.

16. Có hành vi giả mạo, tẩy xóa các tài liệu vận chuyển nhằm che giấu tuyến đường vận chuyển thực tế, cảng xuất phát, người nhận hàng hoặc đại lý vận chuyển.

17. Khách hàng sử dụng tên của các loại hàng hóa thông thường trên tờ khai để thay thế cho tên hàng hóa thuộc diện cấm vận, kiểm soát xuất khẩu; hoặc sử dụng các hợp đồng giả tạo để che giấu danh tính người sử dụng cuối cùng.

18. Các tài liệu hỗ trợ giao dịch thương mại không liệt kê thông tin về người sử dụng cuối cùng của hàng hóa.

19. Phân loại sai hàng hóa trong tài liệu để tránh bị phát hiện, như sử dụng mô tả chung chung, không nhạy cảm đối với các mặt hàng thuộc danh mục bị hạn chế.

20. Có sự khác biệt giữa thông tin trong các tài liệu thương mại, vận chuyển và tài chính, như sự khác biệt giữa hóa đơn, thông tin vận chuyển tiền (loại hàng hóa, trọng lượng, giá trị, điểm đến).

21. Các nhà xuất khẩu ngay trang nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa có nguồn gốc từ các quốc gia bị cấm vận bằng cách dán nhãn, cấp chứng nhận xuất xứ giả mạo xác định từ một quốc gia thứ ba.

22. Nhà cung cấp tại quốc gia thứ ba tự ý chuyển giao việc sản xuất hoặc ký hợp đồng phụ với một nhà máy thuộc quốc gia bị cấm vận mà không thông báo, không có sự chấp thuận của khách hàng hoặc các bên liên quan.

23. Các tàu buôn bị thay đổi cấu trúc vật lý, sơn sửa lại hoặc làm giả số nhận dạng nhằm che khuất danh tính thực tế để đi qua các vùng biển dưới danh nghĩa một con tàu hợp pháp khác.

24. Các mặt hàng xa xỉ thường xuyên được vận chuyển đến các kho trung chuyển ở các quốc gia thứ ba.

25. Xuất hiện sự thay đổi nhanh chóng về danh tính các nhà mua hàng mới đối với các giao dịch liên quan đến hàng hóa xa xỉ bị hạn chế.

26. Hoạt động mua sắm, giao nhận và tích trữ vật liệu xây dựng với khối lượng lớn không phù hợp với nhu cầu và năng lực thực tế của đơn vị tiếp nhận.

27. Đơn vị kinh doanh phát sinh hoạt động tài chính với doanh số lớn bất thường nhưng không liên quan đến mục đích kinh doanh đã đăng ký.

28. Các công ty sản xuất hoặc thương mại sử dụng tiền mặt trong các giao dịch liên quan đến sản phẩm công nghiệp hoặc các giao dịch thương mại khác.

29. Giá trị hàng hoá được khai báo thấp hơn so với chi phí vận chuyển.

30. Cờ đăng ký của tàu được thay đổi thường xuyên.

31. Giao dịch có sự tham gia của các doanh nghiệp đặt tại các khu thương mại tự do, nơi có cơ chế giám sát lỏng lẻo bị khai thác nhằm che giấu nguồn gốc xuất xứ và lộ trình vận chuyển của các mặt hàng nhạy cảm.



Phụ lục III
DANH SÁCH TỔ CHỨC, CÁ NHÂN BỊ CHỈ ĐỊNH
LIÊN QUAN ĐẾN PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT
(Kèm theo Công văn số 4642 /QĐMQG-CQTT81 ngày 12/7/2026 của QĐMQG)

Bộ Quốc phòng - Cơ quan đầu mối quốc gia Việt Nam về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thường xuyên cập nhật danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định liên quan đến phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Quốc phòng (Link: <https://www.mod.gov.vn/vn/chi-tiet/sa-ttsk/sa-tt-cmsk/sa-tt-cmsk-17/sa-tt-cmsk-17-gt/nghia-vu-trung-phat-tai-chinh-muc-tieu-va-danh-sach-bi-chi-dinh-lien-quan-den-pho-bien-tai-tro-pho-bien-vu-khi-huy-diet-hang-loat>) và Binh chủng Hoá học - Cơ quan thường trực của Cơ quan đầu mối quốc gia Việt Nam về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (Link: <https://cqtt81.vn/unsc-list/>).

1. Danh sách tổ chức, cá nhân bị Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc chỉ định liên quan tới phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

- Danh sách bị chỉ định theo Nghị quyết số 1718 (2006), 1874 (2009), 2087 (2013), 2094 (2013) và 2270 (2016) và các Nghị quyết kế thừa (Link: <https://www.un.org/securitycouncil/sanctions/1718/materials>).

- Danh sách bị chỉ định theo Nghị quyết số 1696 (2006), 1737 (2006), 1747 (2007), 1803 (2008), 1835 (2008) và 1929 (2010) và các Nghị quyết kế thừa (Link: <https://main.un.org/securitycouncil/en/sanctions/1737/materials>).

2. Danh sách tổ chức, cá nhân bị Bộ Quốc phòng - Cơ quan đầu mối quốc gia Việt Nam chỉ định liên quan tới phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

Hiện nay chưa xác định tổ chức, cá nhân Việt Nam liên quan tới phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt./.

